

Số: /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải
sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 666/TTr-STC ngày 11/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định năm 2020, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện thu: Hạt Giao thông công chính huyện Phù Cát.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định năm 2020 (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) với chi tiết cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

a) Việc xác định “Hộ bán hàng có ít chất thải”, “Hộ bán hàng có chất thải bình thường”, “Hộ bán hàng có nhiều chất thải” theo quy định tại Phụ lục nêu trên do các đơn vị tổ chức thu gom rác thải xác định cụ thể cho phù hợp với từng địa bàn, khu vực, ngành hàng kinh doanh đảm bảo công bằng hợp lý.

b) Việc thu giá dịch vụ quy định tại Phụ lục này được thực hiện theo hình thức đồng/đơn vị/tháng, đồng/m³ là do đơn vị thu thỏa thuận, thống nhất với đối tượng được cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng để thực hiện cho phù hợp.

4. Phương thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Hạt Giao thông công chính huyện Phù Cát áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định nêu trên.

b) Khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cát được xác định là doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020 và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thu, đối tượng nộp khi áp dụng mức thu và nộp giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định tại quyết định này thì không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các nội dung khác còn lại tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K7, K10, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

**ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ CÁT NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
1	Khu vực đô thị		
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố.		
-	<i>Đường được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng</i>	đồng/hộ/tháng	28.000
-	<i>Đường chưa được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc chưa được bê tông xi măng và các đường nội bộ ở các khu quy hoạch dân cư</i>	đồng/hộ/tháng	23.000
b	Hộ có nhà ở trong ngõ, hẻm; hộ ở các khu nhà tập thể, chung cư cao tầng và khu vực khác	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Các khu vực còn lại (không kể điểm 1 Mục I)		
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố, mặt đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ.	đồng/hộ/tháng	25.000
b	Hộ có nhà ở khu vực khác	đồng/hộ/tháng	18.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ		
1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà		
a	Có kinh doanh ăn uống		
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	50.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	71.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	85.000
b	Các loại kinh doanh khác		
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	40.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	50.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	71.000
c	Hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ		
-	<i>Quy mô cho thuê (từ 01 - 05 phòng)</i>	đồng/hộ/tháng	60.000
-	<i>Quy mô cho thuê (từ 06 - 10 phòng)</i>	đồng/hộ/tháng	70.000
-	<i>Quy mô cho thuê (trên 10 phòng)</i>	đồng/hộ/tháng	120.000
2	Hộ kinh doanh ở chợ (Áp dụng đối với hộ kinh doanh buôn bán cố định)		
a	Mức thu ban quản lý, đơn vị quản lý chợ thu các hộ đối với chợ tại các phường thuộc thị xã; chợ tại thị trấn và tại các xã		
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	50.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	40.000
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	30.000

TT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)
b	Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ	đồng/m ³	91.000
III	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	158.000
*	Riêng đối với các cơ sở dịch vụ như: căn tin, ký túc xá...trong các cơ quan, đơn vị, trường học.	đồng/m ³	180.000
IV	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống	đồng/m ³	210.000
		đồng /đơn vị/tháng	300.000
V	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³	210.000
VI	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³	227.000
		Giá trị xây lắp công trình (%)	0,06

